TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI – TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2023/DS-ST
Ngày: 08 – 9 - 2023
V*/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phương
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Trương Văn Săng
Ông Đặng Hoàng Mích
- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thái Dương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà:

Ông Phan Hoàng Quí - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2023/TLST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp: "*Hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2023/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2020, Quyết định hoãn phiên Tòa số: 83/2023/QĐST- DS ngày 24 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Đỗ Kim T, sinh năm: 1969 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện B, tỉnh T.
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đỗ Kim T:
Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1966
Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện B, tỉnh T.
Tham gia tố tụng theo Hợp đồng ủy quyền đề ngày 04/7/2023.
- *Bị đơn:* Nguyễn Thị L, sinh năm: 1969 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện B, tỉnh T.
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
Lê Văn C, sinh năm: 1967 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện B, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/6/2023, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 04/7/2023, bản tự khai ngày 01/8/2023, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải

quyết vụ án và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Năm 2019, bà Đỗ Kim T có cho bà Nguyễn Thị L vay làm 02 lần, với tổng số tiền vay là 2.150.000.000 đồng, bà L có viết giấy nợ đề ngày 24/4/2021, ký tên và viết họ tên dưới mục người mượn tiền, lãi suất hai bên thỏa thuận là 3%/tháng, không có ấn định thời gian trả tiền. Các lần vay bà L thế chấp cho bà 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Giấy giả) mà bà H đã đưa cho bà L và bà H đã bị xử lý hình sự. Cụ thể các lần bà T cho bà L vay như sau:

- Lần 1 năm 2019 cho vay 800.000.000 đồng
- Lần 2 ngày 24/4/2021 cho vay 1.350.000.000 đồng

Bà L vay số tiền nêu trên mục đích là để trang trải cuộc sống và sinh hoạt trong gia đình và đến nay chưa trả số tiền vay này cho bà T.

Bà Đỗ Kim T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị L và ông Lê Văn C phải liên đới trả lại cho bà T số tiền nợ vay là 2.150.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi suất.

Tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện đối với bà L và ông C.

* Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 01/8/2023, bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà thừa nhận bà có vay tiền của bà Đỗ Kim T 02 lần và hiện nay bà còn nợ bà T số tiền vay chưa trả là 2.150.000.000 đồng. Số tiền nợ này bà thừa nhận có viết giấy kết nợ đề ngày 24/4/2021, ký tên và viết họ tên dưới mục người mượn tiền. Mục đích bà vay tiền của bà T là để trang trải cuộc sống và sinh hoạt trong gia đình, để choàng hụi cho nhiều hụi viên không đóng hụi cho bà. Vay tiền bà có đóng lãi cho bà T nhưng bà không có yêu cầu gì tiền lãi đã đóng. Bà vay tiền bà T, ông C chồng bà không có biết, không liên quan.

Bà L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 14/8/2023.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn C vắng mặt nên không có lời khai.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên Tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Đối với Thẩm phán chấp hành tốt theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Đối với những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn, bị đơn có chấp hành tốt theo Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt là vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự, Điều 27, 30 Luật Hôn nhân và gia đình. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Kim T. Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Lê Văn C

phải liên đới trả cho bà T số tiền nợ vay 2.150.000.000 đồng. Ghi nhận bà T không yêu cầu trả lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị L là bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 11/8/2023 (Bút lục số 43), ông Lê Văn C người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án nhân dân huyện Bình Đại tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, được Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để hòa giải, xét xử đến lần thứ 2 nhưng ông C vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà L, ông C là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Kim T yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn C phải liên đới trả số tiền nợ vay 2.150.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào giấy nợ đề ngày 24/4/2021 (Bút lục số 11), bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 01/8/2023 (Bút lục số 24-25, 28) bị đơn bà L thừa nhận bà có vay tiền và hiện nay còn nợ bà T số tiền vay chưa trả là 2.150.000.000 đồng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, bà T không phải chứng minh và Hội đồng xét xử xác định bà L có vay tiền và hiện nay còn nợ bà T số tiền vay chưa trả 2.150.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn cung cấp. Số tiền nợ vay 2.150.000.000 đồng bà L đến nay chưa trả cho bà T là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của người vay nên nguyên đơn bà T khởi kiện yêu cầu là hoàn toàn có có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật tại Điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Bà Đỗ Kim T không yêu cầu trả lãi suất của số tiền nợ vay nêu trên. Đây là sự tự nguyện của bà T nên Hội đồng xét xử ghi nhận, không xét đến.

[3] Bà Đỗ Kim T khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị L và ông Lê Văn C cùng liên đới trả số tiền nợ vay 2.150.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Số tiền nợ vay 2.150.000.000 đồng được hình thành trong thời kỳ hôn nhân giữa bà L và ông C, ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thới Lai số 101, ngày 11/01/1988 (Bút lục số 23), ông bà hiện nay còn chung sống, hôn nhân vẫn còn tồn tại, ông C không có ý kiến phản hồi số tiền nợ này. Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, bà L khai mục đích bà vay tiền là để trang trải cuộc sống và sinh hoạt trong gia đình. Bà L khai ông hoàn toàn không liên quan, không biết là không có căn cứ. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà L và ông C cùng liên đới trả tiền nợ vay nêu trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định pháp luật tại Điều 288 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên Tòa về việc giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, diễn biến tại phiên tòa và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] **Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:**

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T được chấp nhận. Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà L và ông C phải liên đới chịu án phí là:

2.150.000.000 đồng = 72.000.000 đồng + 2% x 150.000.000 đồng = 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 357, 463, 465, 466, 469, 288 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Kim T đòi bà Nguyễn Thị L và ông Lê Văn C trả tiền nợ vay.

2. Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Lê Văn C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đỗ Kim T số tiền nợ vay là 2.150.000.000 đồng (Hai tỷ một trăm năm mươi triệu đồng).

3. Ghi nhận bà Đỗ Kim T không yêu cầu trả lãi suất của số tiền nợ vay nêu trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Nguyễn Thị Lo và ông Lê Văn C phải liên đới chịu 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng).

Hoàn trả lại cho bà Đỗ Kim T 37.500.000 đồng (Ba mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0005028 ngày 28/6/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa Tòa cũng có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bến Tre;
-VKSND huyện Bình Đại;
-Chi cục THA dân sự huyện Bình Đại;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Hồng Phương